

Bản án số: 41/2023/HS - ST

Ngày 15/8/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

+ **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Hoàng Kim Tuấn.

+ **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Dương Bảo Khánh;

Bà Dương Thị Hạnh.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST- QĐ ngày 25/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Triệu Hữu BC1 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam.

Sinh ngày 30 tháng 3 năm 1980; Nơi sinh: tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: xóm N1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Họ và tên bố: Triệu Tiến Hoa (đã chết).

Họ và tên mẹ: Triệu Thị Tình - sinh năm 1940.

Anh, chị, em ruột: Gia đình có 10 anh, chị em, bị cáo là con thứ 09.

Vợ: Đặng Thị Hồng - sinh năm 1979.

Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2011

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 19/4/2023, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Họ và tên: Triệu Hữu BC2 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 26 tháng 12 năm 1959; Nơi sinh: tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: xóm N1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 1/10;

Họ và tên bố: Triệu Tiến Văn (đã chết).

Họ và tên mẹ: Dương Thị Múi (đã chết).

Anh, chị, em ruột: Gia đình có 04 anh, em, bị cáo là con thứ 03.

Vợ: Bàn Thị Duyên - sinh năm 1961.

Con: Có 07 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 19/4/2023, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

3. Họ và tên: Đặng Thị BC3 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ.

Sinh ngày: 29 tháng 12 năm 1976; Nơi sinh: tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: xóm N1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Họ và tên bố: Đặng Văn LQ1 (đã chết).

Họ và tên mẹ: Dương Thị Múi - sinh năm 1952.

Anh, chị, em ruột: Gia đình có 08 anh chị, em, bị cáo là con thứ 04.

Chồng: Bàn Tài An - sinh năm 1975.

Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2001

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 19/4/2023, bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

4. Họ và tên: Đặng Thị BC4 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 21 tháng 11 năm 1948; Nơi sinh: tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: xóm N1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Họ và tên bố: Đặng Đức BC5 (đã chết).

Họ và tên mẹ: Lý Thị BC4 (đã chết).

Anh, chị, em ruột: Gia đình có 06 chị, em, bị cáo là con thứ 03.

Chồng: Triệu Tiến Báo (đã chết).

Con: Có 07 con, lớn nhất sinh năm 1966, nhỏ nhất sinh năm 1983.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 19/4/2023, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

5. Họ và tên: Bàn Tài BC5 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam.

Sinh ngày 25 tháng 8 năm 1984; Nơi sinh: tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: xóm N1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 1/12.

Họ và tên bố: Bàn Phúc Sơn (đã chết).

Họ và tên mẹ: Triệu Thị Ba - sinh năm 1963.

Anh, chị, em ruột: Gia đình có 06 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 03.

Vợ, con: Không có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 19/4/2023, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

6. Họ và tên: Triệu Thị BC6 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 25 tháng 9 năm 1978; Nơi sinh: tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: xóm N1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 1/12.

Họ và tên bố: Triệu Như LQ1 - sinh năm 1952.

Họ và tên mẹ: Dương Thị BC7 - sinh năm 1952.

Anh, chị, em ruột: Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 04.

Chồng: Triệu Văn Chi - sinh năm 1975.

Con: Có 02 con. Lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 19/4/2023, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

7. Họ và tên: Triệu Thị BC7 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ.

Sinh ngày: 22 tháng 4 năm 1954; Nơi sinh: tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: xóm N1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Họ và tên bố: Triệu Đức Thắng (đã chết).

Họ và tên mẹ: Triệu Thị Tân (đã chết).

Anh, chị em ruột: Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 02.

Chồng: Triệu Tiến Thanh - sinh năm 1950.

Con: Có 04 con. Lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 19/4/2023, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Triệu Văn LQ1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Xóm N1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Bà Bàn Thị LQ2, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Xóm N1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt lần 2 – không có lý do)

*** Người chứng kiến:**

1. Ông Triệu Văn CK, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Xóm N1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Ông Triệu Văn CK, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm N1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo Triệu Hữu BC1 và Triệu Thị BC7:** Bà Lê Thúy Hằng, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên.(Có mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo Bàn Tài BC5 và Đặng Thị BC3:** Bà Vi Khánh Phượng, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên.(Có mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị BC4 và Triệu Thị BC6:** Ông Phạm Ngọc Khuê, Luật sư – Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử.(Có mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo Triệu Hữu BC2:** Bà Mạc Thị Hợp, Luật sư – Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 13/4/2023, Công an xã LM, huyện Vnhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại nhà của Triệu Hữu BC1 – sinh năm 1980, thuộc xóm N1, xã LM, huyện V có một số đối LQ2ợng đánh bạc trái phép. Công an xã LM, huyện V đã thành lập tổ công tác đến xác LQ1, đã phát hiện bắt quả tang tại gian bán hàng tạp hóa của gia đình Triệu Hữu BC1 có 08 đối LQ2ợng đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm: Triệu Hữu BC1(chủ nhà); Triệu Văn LQ1 - sinh năm 1970; Triệu Thị BC7 - sinh năm1954; Bàn Tài BC5 - sinh năm 1984; Đặng Thị BC3 - sinh năm 1976; Bàn Thị LQ2 - sinh năm 1961, Đặng Thị BC4 - sinh năm 1948; Triệu Thị BC6 - sinh năm1978, đều cư trú tại xóm N1, xã LM, huyện V. Còn đối LQ2ợng Triệu Hữu BC2 - sinh năm 1959, nơi cư trú: xóm N1, xã LM, huyện V đã bỏ chạy thoát khỏi vị trí đánh bạc. Đến ngày 14/4/2023Triệu Hữu BC2 đến Công an huyện V đầu thú.

Thu giữ trên chiếu bạc gồm: Số tiền 5.770.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị bằng tre một mặt tô màu đen, một mặt không tô màu; 01 bìa cát tông kích thước 34cm x23,5cm, một mặt có chữ “Fami nguyên chất” một mặt vẽ các dấu chấm ở bốn góc; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng; 01 chiếc nhựa màu xanh, kích thước 1,6 x 2m.

Thu giữ trên người các đối LQ2ợng: Triệu Hữu BC1 số tiền 1.125.000 đồng; Bàn Tài BC5 số tiền 3.500.000 đồng; Triệu Văn LQ1 số tiền 443.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh, đã qua sử dụng, mặt kính bị nứt, vỡ;

Đặng Thị BC4 số tiền 2.350.000 đồng; Đặng Thị BC3 số tiền 118.000 đồng; Triệu Thị BC6 số tiền 1.220.000 đồng; Bàn Thị LQ2 số tiền 20.000 đồng; Triệu Thị BC7 số tiền 1.013.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị can đã khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 13/4/2023 Đặng Thị BC4, Đặng Thị BC3, Triệu Hữu BC2 đến nhà Triệu Hữu BC1 để mua đồ tạp hóa, trong khi ngồi uống nước nói chuyện các đối LQ2 ợng đã rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được BC1 đồng ý. Sau đó BC1 đi lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ tại gian nhà bếp và trải 01 chiếu nhựa ra nền nhà, BC2 lấy một mảnh tre tại gian nhà bếp cắt thành 04 mảnh nhỏ, đốt dây cao su do BC1 đưa cho để bôi đen một mặt làm quân vị. Sau đó Triệu Hữu BC1, Triệu Hữu BC2, Đặng Thị BC4, Đặng Thị BC3 bắt đầu đánh bạc với nhau, trong khi chơi có thêm Bàn Tài BC5, Triệu Thị BC6, Triệu Thị BC7, Bàn Tài BC5 đến quán và đã tham gia đánh bạc cùng các đối LQ2 ợng.

Quá trình đánh bạc các đối LQ2 ợng đã thống nhất cách thức chơi, thắng thua được tiền như sau: Bên tay phải của người xóc cái là cửa chắn, bên trái của người xóc cái là cửa lẻ. Bắt đầu ván bạc người xóc cái đặt 04 quân vị vào đĩa, úp bát lên rồi xóc mạnh sau đó đặt bát đĩa xuống, người tham gia đánh bạc đặt tiền vào cửa chắn, cửa lẻ tùy ý. Sau khi đặt xong tiền người xóc cái mở bát xem kết quả ván bạc. Nếu 04 quân vị lật 04 mặt trắng, 04 mặt đen hoặc 02 mặt trắng, 02 mặt đen là cửa chắn thắng. Nếu 04 quân vị lật 03 mặt trắng, 01 mặt đen hoặc 03 mặt đen, 01 mặt trắng là cửa lẻ thắng. Người đặt số tiền ở cửa thắng được nhận gấp đôi số tiền đã đặt và tự nhặt tiền lên hoặc do nhà cái thanh toán, người thua bị mất số tiền đã đặt do nhà cái thu sau khi đã bù trừ cho người thắng bạc, sau đó tiếp tục chơi ván bạc mới. Quá trình đánh bạc, BC1 có lấy ra 01 bảng vị bằng bìa cát tông để người chơi tham gia đặt tiền đánh bạc (bảng vị đã có từ trước ở nhà BC1). Khi đặt tiền vào bảng vị nếu thắng thì được số tiền gấp 10 lần đã đặt, tuy nhiên trong quá trình chơi không có ai đặt tiền vào bảng vị này. Các đối LQ2 ợng tham gia đánh bạc đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Công an xã LM phát hiện bắt giữ.

Quá trình đánh bạc các bị can Triệu Hữu BC1, Triệu Hữu BC2, Đặng Thị BC4, Đặng Thị BC3, Bàn Tài BC5, Triệu Thị BC6, Triệu Thị BC7 đều khai nhận bản thân tham gia đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa tại gian bán hàng của Triệu Hữu BC1. Khi đánh bạc Triệu Hữu BC2 là người làm quân vị, BC2 tham gia đánh bạc từ đầu, trước khi đánh bạc có 60.000 đồng, BC2 là người xóc cái từ đầu cho đến khi bị phát hiện, vừa đặt tiền chơi đánh bạc và đều thua, khi vừa thua hết tiền thì bị phát hiện, do hoảng sợ nên đã bỏ chạy sau đó đến Cơ quan điều tra đầu thú; Triệu Hữu BC1 là người lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ để ở gian bếp của gia đình để làm dụng cụ đánh bạc. Trước khi tham gia đánh bạc BC1 có số tiền khoảng 3.300.000 đồng, đã sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc, khi đang đánh bạc BC1 được vợ đưa cho số tiền 500.000 đồng là tiền bán hàng của gia đình, BC1 đã sử dụng số tiền này đặt nhiều ván, khi đặt 200.000 đồng vào cửa lẻ chưa biết kết quả thì bị bắt giữ, BC1 đã bỏ số tiền khoảng 3.500.000 đồng đang sử dụng để đánh bạc xuống chiếu bạc. BC1 bị tạm

giữ 1.125.000 đồng, trong đó số tiền 810.000 đồng cất giữ tại túi quần bên trái là tiền của BC1 thắng bạc có được còn số tiền 315.000 đồng cất giữ tại túi quần bên phải là tiền của BC1 cất riêng từ đầu không sử dụng vào mục đích đánh bạc; Triệu Thị BC7 khi tham gia đánh bạc có số tiền 1.063.000 đồng và sử dụng số tiền này để đánh bạc. BC7 đã đặt tiền chơi 02 ván bạc, ván đầu đặt 20.000 đồng, một ván đặt 30.000 đồng đều bị thua, khi đang đánh bạc thì bị bắt giữ. Số tiền 1.013.000 đồng cất giữ trong áo đang mặc là tiền của BC7 để tiếp tục sử dụng vào mục đích đánh bạc; Bàn Tài BC5 trước khi tham gia đánh bạc có số tiền khoảng 5.500.000 đồng, đã sử dụng 2.000.000 đồng đặt chơi nhiều ván bạc, có ván thắng, có ván thua, khi đặt 100.000 đồng vào cửa lẻ chưa biết kết quả thì bị bắt giữ, BC5 đã bỏ số tiền khoảng 1.300.000 đồng là tiền bị thua còn lại xuống chiếu bạc. Số tiền 3.500.000 đồng cất giữ tại túi áo đang mặc đã bị thu giữ là tiền của BC5 sẽ sử dụng đánh bạc nếu không bị bắt; Đặng Thị BC3 là người tham gia đánh bạc từ đầu, khi tham gia đánh bạc có số tiền 148.000 đồng, đã sử dụng 30.000 đồng để đặt chơi 03 ván bạc, mỗi ván 10.000 đồng và đều thua, khi vừa thua hết tiền thì bị bắt giữ. Số tiền 118.000 đồng cất giữ tại túi áo đang mặc là tiền của BC3 cất riêng từ đầu không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi bị phát hiện BC3 đã làm rơi 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng xuống chiếu bạc, BC3 không sử dụng điện thoại trên vào mục đích đánh bạc; Đặng Thị BC4 trước khi tham gia đánh bạc có số tiền 2.400.000 đồng, đã đặt tiền đánh bạc 01 ván 50.000 đồng vào cửa chẵn, chưa biết kết quả ván bạc thì bị bắt giữ. Số tiền 2.350.000 đồng cất giữ tại chiếc ủng bên phải đang đi là tiền của BC4 sử dụng vào mục đích đánh bạc; Triệu Thị BC6 trước khi tham gia đánh bạc có số tiền khoảng 2.000.000 đồng, đã sử dụng số tiền 800.000 đồng đặt chơi nhiều ván bạc, khi đặt 100.000 đồng vào cửa lẻ chưa biết kết quả ván bạc thì bị bắt giữ, BC6 đã bỏ số tiền khoảng 800.000 đồng là tiền thắng có được khi đánh bạc xuống chiếu bạc. Số tiền 1.220.000 đồng cất giữ tại túi áo đang mặc là tiền của BC6 sẽ sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Lời khai nhận tội của các bị can phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quá tang, người làm chứng, người chứng kiến và các vật chứng thu giữ trên chiếu bạc và các tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản Kết luận giám định số 651/KL-KTHS ngày 30/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: “Số tiền trong các phong bì niêm phong T1, T2, T3, T4, T5, T6, T7, T8, T9 là tiền thật”.

Cáo trạng số 39/CT- VKSVN ngày 17/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố các bị cáo Triệu Hữu BC1, Triệu Hữu BC2, Triệu Thị BC7, Bàn Tài BC5, Đặng Thị BC3, Đặng Thị BC4, Triệu Thị BC6 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo Triệu Hữu BC1, Triệu Hữu BC2, Triệu Thị BC7, Bàn Tài BC5, Đặng Thị BC3, Đặng Thị BC4, Triệu Thị BC6

phù hợp với Biên bản sự việc, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến, các vật chứng thu giữ và các tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Kết thúc thẩm vấn Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Triệu Hữu BC1, Triệu Hữu BC2, Triệu Thị BC7, Bàn Tài BC5, Đặng Thị BC3, Đặng Thị BC4, Triệu Thị BC6 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Sau khi đánh giá chứng cứ đã đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Hữu BC1 từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Hữu BC2 từ 11 đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 22 đến 28 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Thị BC4 từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, đề nghị xử phạt các bị cáo Đặng Thị BC3, Bàn Tài BC5, Triệu Thị BC6, Triệu Thị BC7 từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- * Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- ** Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- * Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 14.663.000 đồng.

- * Tịch thu tiêu hủy: - 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị bằng tre kích thước 1,5 x 1,1cm một mặt tô màu đen, một mặt không tô màu; 01 bìa cát tông kích thước 34 x 23,5cm một mặt có chữ Fami nguyên chất, một mặt vẽ các dấu chấm ở bốn góc; 01 chiếc nhựa màu xanh, đã qua sử dụng có kích thước 1,6m x 2m;

- * Trả cho bị cáo Đặng Thị BC3 số tiền 118.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đen đã qua sử dụng ;

- Trả cho bị cáo Triệu Hữu BC1 315.000 đồng.

- Trả cho Triệu Văn LQ1 443.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vỏ màu xanh, đã qua sử dụng.

- Trả cho bà Bàn Thị LQ2 20.000 đồng.

Về án phí: Miễn án phí cho các bị cáo Triệu Hữu BC1, Triệu Hữu BC2, Bàn

Tài BC5, Triệu Thị BC6, Triệu Thị BC7, Đặng Thị BC3, Đặng Thị BC4.

Trong phần tranh luận, người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị BC7, Triệu Hữu BC1 – Bà Lê Thúy Hằng nhất trí với quan điểm truy tố của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và khung hình phạt. Đồng ý với các tình tiết giảm nhẹ của đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo. Người bào chữa cho rằng các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giúp đỡ cơ quan điều tra sớm làm sáng tỏ vụ án, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo BC7 là người già, huyết áp cao. Các bị cáo có nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời. Từ những nhận định này, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự cho Triệu Thị BC7 được hưởng án treo theo mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đưa ra; Đối với Triệu Hữu BC1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét có thể cho bị cáo được hưởng án treo; Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng đối với bị cáo BC1 và BC7; Về án phí miễn cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Bàn Tài BC5, Đặng Thị BC3 – Bà Vi Khánh Phượng nhất trí với quan điểm truy tố của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và khung hình phạt. Đồng ý với các tình tiết giảm nhẹ của đại diện Viện kiểm sát áp dụng đối với các bị cáo, quá trình rèn luyện của bản thân các bị cáo đều chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của nhà nước, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, số tiền tham gia đánh bạc ít, thực hiện hành vi do nhận thức pháp luật còn hạn chế, thực hiện không có sự bàn bạc, chuẩn bị, 02 bị cáo giữ vai trò thứ yếu, các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, đủ điều kiện tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương. Từ những nhận định này, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo theo mức thấp nhất của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị BC4, Triệu Thị BC6 – Ông Phạm Ngọc Khuê nhất trí với quan điểm truy tố của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và khung hình phạt, đồng ý với các kết luận của các cơ quan tiến hành tố tụng, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ được thu thập đúng quy định. Bị cáo BC4 và bị cáo BC6 đều có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đánh bạc không có tổ chức, phạm tội nhất thời, ít nghiêm trọng, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, các bị cáo đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo BC4 là người trên 70 tuổi. Từ những nhận định này, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Triệu Thị BC6 từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật

Hình sự xử phạt bị cáo Triệu Thị BC4 từ 06 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Về hình phạt bổ sung không áp dụng đối với các bị cáo, về án phí miễn án phí cho các bị cáo. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, theo dõi, giáo dục.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Hữu BC2 – Bà Mạc Thị Hợp nhất trí với quan điểm truy tố của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt. Bị cáo phạm tội lỗi cố ý, gây mất trật tự trị an ở địa phương tuy nhiên là người dân tộc thiểu số sống ở địa phương có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có nhân thân tốt, tuổi cao, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có đơn xin miễn án phí và hình phạt bổ sung. Từ những nhận định này, người bào chữa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Triệu Hữu BC2 án treo là phù hợp và có căn cứ, nhưng đề nghị cho bị cáo mức khởi điểm của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Triệu Hữu BC1, Triệu Hữu BC2, Đặng Thị BC3, Đặng Thị BC4, Bàn Tài BC5, Triệu Thị BC6, Triệu Thị BC7 không có tranh luận bào chữa bổ sung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra ý kiến đối đáp tranh luận: Đối với bị cáo Triệu Hữu BC1 là người có vai trò lớn nhất, là người đồng ý để các con bạc sử dụng địa điểm quán nhà mình, chuẩn bị công cụ đánh bạc, đồng thời tham gia đánh bạc một cách tích cực. Việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy, bị cáo BC1 không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Người bào chữa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận bổ sung gì.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng đều xin được hưởng mức án thấp nhất được cải tạo tại địa phương, xin miễn án phí và đề nghị không bị áp dụng hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội phạm:

Khoảng 14 giờ 00 ngày 13/4/2023 tại gian quán bán hàng tạp hóa của Triệu Hữu BC1 thuộc xóm N1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên các đối LQ2ợng Triệu Hữu BC1, Triệu Hữu BC2, Đặng Thị BC4, Đặng Thị BC3, Bàn Tài BC5, Triệu Thị BC6, Triệu Thị BC7đang đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đến hồi 15 giờ 15 phút cùng ngày bị Tổ công tác Công an xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ trên chiếu bạc 5.770.000đồng thu giữ trên chiếu bạc, 04 quân vị bằng tre, chiếu nhựa. Tổng số tiền thu giữ trên người các đối LQ2ợng khi bắt quả tang là 9.789.000 đồng. Quá trình điều tra Bàn Tài BC5 khai số tiền dùng vào mục đích đánh bạc là 3.500.000 đồng, Triệu Hữu BC1 khai số tiền dùng vào mục đích đánh bạc là 810.000 đồng, Triệu Thị BC6 khai số tiền dùng vào mục đích đánh bạc là 1.220.000 đồng, Đặng Thị BC4 khai số tiền dùng vào mục đích đánh bạc là 2.350.000đồng, Triệu Thị BC7 khai số tiền dùng vào mục đích đánh bạc là 1.013.000 đồng. Như vậy xác định tổng số tiền các đối LQ2ợng đánh bạc là 14.663.000 đồng.

Hành vi đánh bạc với số tiền 14.663.000 đồng của Triệu Hữu BC1, Triệu Hữu BC2, Đặng Thị BC4, Đặng Thị BC3, Bàn Tài BC5, Triệu Thị BC6, Triệu Thị BC7đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều luật quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố các bị cáo Triệu Hữu BC1, Triệu Hữu BC2, Đặng Thị BC4, Đặng Thị BC3, Bàn Tài BC5, Triệu Thị BC6, Triệu Thị BC7 theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án thấy: Các bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi với lỗi cố ý, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương.Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Xét nhân thân của từng bị cáo:

- Đối với bị cáo Triệu Hữu BC1: Bị cáo sinh ra và được gia đình nuôi dưỡng từ nhỏ không biết chữ, sau đó lập gia đình, ngày 13/4/2023 có hành vi đánh bạc bị phát hiện.

- Đối với bị cáo Triệu Hữu BC2 sinh ra và được gia đình nuôi ăn học hết lớp 1, sau đó ở nhà phụ giúp gia đình, lấy vợ, sinh con,ngày 13/4/2023 có hành vi đánh bạc bị phát hiện.

- Đối với bị cáo Đặng Thị BC3 sinh ra và được gia đình nuôi dưỡng, không

được đi học và không biết chữ, sau đó lấy chồng, ngày 13/4/2023 có hành vi đánh bạc bị phát hiện.

- Đối với bị cáo Đặng Thị BC4 sinh ra và được gia đình nuôi dưỡng, không được đi học và không biết chữ, sau đó lấy chồng, ngày 13/4/2023 có hành vi đánh bạc bị phát hiện.

- Đối với bị cáo Bàn Tài BC5 sinh ra và được gia đình nuôi ăn học hết lớp 1, sau đó ở nhà phụ giúp gia đình, lấy vợ, sinh con, ngày 13/4/2023 có hành vi đánh bạc bị phát hiện.

- Đối với bị cáo Triệu Thị BC6 sinh ra và được gia đình nuôi ăn học hết lớp 1, sau đó ở nhà phụ giúp gia đình, lập gia đình sinh con, ngày 13/4/2023 có hành vi đánh bạc bị phát hiện.

- Đối với bị cáo Triệu Thị BC7 sinh ra và được gia đình nuôi được gia đình nuôi dưỡng, không được đi học và không biết chữ, sau đó lấy chồng, ngày 13/4/2023 có hành vi đánh bạc bị phát hiện.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Triệu Hữu BC1, Triệu Hữu BC2, Đặng Thị BC4, Đặng Thị BC3, Bàn Tài BC5, Triệu Thị BC6, Triệu Thị BC7 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đặng Thị BC4 là người từ đủ 70 tuổi trở lên. Nên bị cáo BC4 được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Triệu Hữu BC2 sau khi phạm tội đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và có bố để được Nhà nước tặng thưởng Bằng có công với nước nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò của từng bị cáo thấy vai trò của Triệu Hữu BC1 là chủ nhà, cho mọi người đánh bạc, chuẩn bị bát, đĩa, chiếu và tham gia đánh bạc, nên giữ vai trò lớn nhất. Bị cáo Triệu Hữu BC2 là người làm quân vi và xóc cái nên BC2 giữ vai trò lớn thứ hai. Còn những bị cáo khác tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thứ yếu như nhau.

******Từ những nhận định về nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Hội đồng xét xử thấy:

* Mặc dù các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo BC1 giữ vai trò lớn nhất. Bị cáo BC1 đã cho đánh bạc ở quán của mình là nơi nhiều người qua lại, thể hiện sự coi thường pháp luật và các cơ quan chức năng. Xét vị trí, vai trò, ý thức chấp hành pháp luật, tính nguy hiểm cho xã hội, yêu cầu đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương xét cần cách ly bị cáo BC1 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Triệu Hữu BC2 tuy có vai trò lớn thứ 2, nhưng bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo lại là người cao tuổi nên xét không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đảm bảo giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo Đặng Thị BC3, Đặng Thị BC4, Bàn Tài BC5, Triệu Thị BC6, Triệu Thị BC7 đều đủ điều kiện hưởng án treo và xét việc giao các bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giám sát, giáo dục cũng đảm bảo việc để các bị cáo sửa chữa lỗi lầm, rèn luyện trở thành công dân tốt.

* Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở địa phương có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung, xét không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Xét một số vật cấm CK hành, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu tiêu hủy: - 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị bằng tre kích thước 1,5 x 1,1cm một mặt tô màu đen, một mặt không tô màu; 01 bìa cát tông kích thước 34 x 23,5cm một mặt có chữ Fami nguyên chất, một mặt vẽ các dấu chấm ở bốn góc; 01 chiếu nhựa màu xanh, đã qua sử dụng có kích thước 1,6m x 2m;

* Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 14.663.000 đồng.

* Trả cho bị cáo Đặng Thị BC3 số tiền 118.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đen đã qua sử dụng ;

- Trả cho bị cáo Triệu Hữu BC1 315.000 đồng.

- Trả cho Triệu Văn LQ1 443.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vỏ màu xanh, đã qua sử dụng.

- Trả cho bà Bàn Thị LQ2 20.000 đồng.

[5] Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở địa phương có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí. Xét các bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn án phí cho các bị cáo.

[6] Đối với Triệu Văn LQ1, Bàn Thị LQ2, ngày 13/4/2023 có mặt tại địa điểm đánh bạc cùng bị bắt giữ cùng các đối LQ2ong. Tuy nhiên quá trình điều tra đã xác định Triệu Văn LQ1, Bàn Thị LQ2 không tham gia đánh bạc vì vậy không xem xét xử lý.

[7] Xét đề nghị của người bào chữa về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, hình phạt bổ sung và án phí là đúng quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái

Nguyên tại phiên toà hôm nay về tội danh và các vấn đề khác là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Triệu Hữu BC1, Triệu Hữu BC2, Bàn Tài BC5, Triệu Thị BC6, Triệu Thị BC7, Đặng Thị BC4, Đặng Thị BC3 đều phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về hình phạt chính

1.1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Triệu Hữu BC1** 12 (*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 19/4/2023.

Căn cứ Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục áp dụng lệnh cấp đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Triệu Hữu BC1 kể từ ngày tuyên án đến khi bị cáo đi chấp hành án. Giao bị cáo cho UBND xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục quản lý, giám sát bị cáo trong thời gian cấm đi khỏi nơi cư trú.

1.2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.

Xử phạt: Bị cáo **Triệu Hữu BC2** 11 (*Mười một*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 22 (*Hai mươi hai*) tháng tính từ ngày tuyên án.

1.3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Thị BC3** 10 (*Mười*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 (*Hai mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án.

1.4. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s, o khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.

Xử phạt: Bị cáo **Đặng Thị BC4** 08 (*Tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (*Mười sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án.

1.5. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.

Xử phạt: Bị cáo **Bàn Tài BC5** 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

1.6. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.

Xử phạt: Bị cáo **Triệu Thị BC6** 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

1.7. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.

Xử phạt: Bị cáo **Triệu Thị BC7** 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Triệu Hữu BC2, Bàn Tài BC5, Triệu Thị BC6, Triệu Thị BC7, Đặng Thị BC3, Đặng Thị BC4 cho Ủy ban nhân dân xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu tiêu hủy: - **01 (một)** bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng; **04 (bốn)** quân vị bằng tre kích thước 1,5 x 1,1cm một mặt tô màu đen, một mặt không tô màu; **01 (một)** bìa cát tông kích thước 34 x 23,5cm một mặt có chữ Fami nguyên chất, một mặt vẽ các dấu chấm ở bốn góc, các vật chứng này được đựng trong hộp giấy ký hiệu A10.

- **01 (một)** chiếc nhựa màu xanh, đã qua sử dụng có kích thước 1,6m x 2m;

3.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 14.663.000 đồng.

3.3. Trả cho bị cáo Đặng Thị BC3 số tiền 118.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 1: 863348054464614; IMEI 1: 862248054464606 đựng trong phong bì ký hiệu D1.

- Trả cho bị cáo Triệu Hữu BC1 số tiền 315.000 đồng.

- Trả cho ông Triệu Văn LQ1 số tiền 443.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vỏ màu xanh cũ đã qua sử dụng, màn hình bị nứt vỡ có số IMEI 1: 86530804453610; số IMEI 2: 86530804453602 đựng trong phong bì ký hiệu D2.

- Trả cho bà Bàn Thị LQ2 số tiền 20.000 đồng.

* Về tình trạng vật chứng: Vật chứng nêu trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện V theo biên bản giao nhận vật chứng và Ủy nhiệm chỉ số 11 cùng ngày 10/7/2023 giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

4. Về án phí: Áp dụng điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn LQ1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bàn Thị LQ2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- TT trợ giúp PLNN tỉnh Thái Nguyên;
- Các Bị cáo;
- CK hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Kim Tuấn